

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 09/2019/HS-ST

Ngày: 14-3-2019.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Văn M.

- *Các hội thẩm nhân dân:*

+ Bà: Trần Thị Thu T.

+ Bà: Trần Thị L.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Dương Thị B T – Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Kim N – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 08/2019/TLST-HS ngày 14 tháng 02 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2019/QĐXXST-HS ngày 18-02-2019 đối với:

Bị cáo: Bùi Văn L, sinh năm 1992; nơi sinh tại Tiền Giang; giới tính: nam; nơi cư trú: Ấp Phú Thạnh A, xã Phú K, huyện C G, tỉnh T G; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 05/12; con ông: Bùi Văn M (sinh năm 1967) và bà Nguyễn Thị H (sinh năm 1968) (cả hai còn sống); bị cáo chưa có vợ, con; tiền sự: không; tiền án: 01: Bản án số 33/2013/HSST ngày 09/5/2013 của Tòa án nhân dân huyện C T, T G xét xử Bùi Văn L về tội Cướp giật tài sản theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 136 BLHS năm 1999, xử phạt 05 năm tù giam. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 03/12/2017 và chấp hành xong các quyết định khác của bản án. (Bản án số 131/2009/HSST ngày 25/11/2009 của Tòa án nhân dân huyện B L, L A; Bản án số 29/2010/HSST ngày 12/4/2010 của Tòa án nhân dân huyện C T, tỉnh T G; Bản án số 13/2010/HSST ngày 20/4/2010 của Tòa án nhân dân huyện C G, T G: không tính án tích theo quy định tại Điều 107 Bộ luật Hình sự).

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo: Bùi Văn M, sinh năm 1967 và Nguyễn Thị H, sinh năm 1968. Cùng địa chỉ: Ấp Phú T A, xã P K, huyện C G, tỉnh T G (có mặt bà H vắng mặt ông M).

Người bào chữa cho bị cáo Bùi Văn L: Ông Nguyễn T D L – Luật sư Công ty Luật TNHH MTV tư vấn pháp luật MT (có mặt).

Bị hại:

+ Công ty TNHH MTV DV bảo vệ an ninh Đông Phương. Trụ sở: Số 422C Nguyễn Thị T, Phường 5, thành phố M T, tỉnh T G.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Văn N**. Chức vụ: Giám đốc công ty TNHH MTV DV bảo vệ an ninh Đ P.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông **Nguyễn Thanh K**. Chức vụ: Trưởng phòng Cơ động của công ty TNHH MTV DV bảo vệ an ninh Đ P(theo giấy uỷ quyền số: 02/GUQ-ĐP.2018 ngày 05/03/2018) (vắng mặt).

+ Hồ Thanh P, sinh năm 1992. Nơi cư trú: Ấp Phú Xuân, xã Phú Mỹ, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bùi Văn Ký, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Ấp Phú T A, xã Phú K, huyện C G, tỉnh T G (vắng mặt).

- Nguyễn Thanh T, sinh năm 1994. Nơi cư trú: Ấp B Q, xã B P N, huyện C G, tỉnh T G (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 15 giờ 30 phút, ngày 07/02/2018, Bùi Văn K, sinh năm 1990, ĐKTT: ấp Phú T A, xã P K, huyện C G, T G điều khiển xe mô tô 2 bánh biển số 63B4-145.97 đi đến Khu Công nghiệp L G thuộc ấp 4, xã T L 1, huyện T P, T G. Khi đến gần Công ty TNHH Giày Apache Việt Nam (Công ty Apache) thì bánh xe bị xì hơi nên gọi điện thoại cho Bùi Văn L, sinh năm 1992, ĐKTT: ấp Phú T A, xã P K, huyện C G, T G nhờ L dẫn xe đi vá dùm. Sau đó, đi vào Công ty Apache lấy trộm 01 xe mô tô hai bánh biển số 63B8- 117.74 của anh Hồ Thanh P, sinh năm 1992, ĐKTT: ấp P Xuân, xã P M, huyện T P, T G là công nhân Công ty Apache đang dựng trong nhà xe. K điều khiển xe 63B8- 117.74 đi về hướng chợ Bung thuộc xã T H, huyện C T, T G.

Khoảng 19 giờ cùng ngày, L gọi điện thoại cho K nói đã vá xe K xong. K kêu L đến chợ Bung gặp K. Khi L đến, thấy K ngồi trên xe 63B8- 117.74, L hỏi K “xe đâu vậy?” K trả lời “xe tao mới lấy của người ta”. Lúc này, L biết xe 63B8- 117.74 là do K trộm cắp của người khác. K nhờ L tìm chỗ bán xe K vừa trộm được. L đồng ý và gọi điện thoại cho Nguyễn Thanh T, sinh năm 1994, ĐKTT: ấp B Q, xã B P N, huyện C G, T G. T chỉ đường cho L chạy xe đến nhà Nguyễn Thành V, sinh năm 1979, ĐKTT: ấp Q K, xã Q L, huyện C G, T G để T xem xe.

Khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, K điều khiển xe vừa trộm, L điều khiển xe mô tô 63B4-145.97 đến nhà anh V. Trong lúc xem xe, T hỏi L “xe mới ăn hả”, L trả lời “ừ” thì T biết rõ xe này là do trộm cắp mà có. T xem xe xong, L và K thống nhất bán xe trộm được cho T với giá là 9.000.000đồng. Sau khi L nhận tiền xong, K điều khiển xe 63B4-145.97 chở L về. Khi đến khu vực ngã tư L P thuộc xã T H, huyện C T, K và L vào quán ăn hủ tiếu. Tại đây, L đưa cho K 9.000.000đ tiền bán xe, K đưa lại cho L 3.500.000đồng. Sau đó K điều khiển xe 63B4-145.97 về nhà còn L tự đón xe về nhà trọ. Số tiền bán xe, K và L đã tiêu xài cá nhân hết.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 20/KL-HĐ ngày 28/02/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T P kết luận xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Yamaha, số loại Exciter 150cc, màu xanh – bạc, biển số 63B8-117.74, số máy G3D4E115340, số khung RLCUG0610FY103238 giá trị còn lại tại thời điểm chiếm đoạt thành tiền là 33.750.000đồng.

Bùi Văn L là đối tượng có nhân thân xấu, có tiền án về tội xâm phạm sở hữu, chưa được xóa án tích nay lại tiếp tục phạm tội mới. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Căn cứ Kết luận giám định pháp y tâm thần số 533/KL-VPYTW ngày 22/10/2018 của Viện pháp y tâm thần Trung ương B H kết luận: Tại thời điểm gây án bị cáo bị hạn chế năng lực nhận thức và điều khiển hành vi; hiện nay bị cáo có đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi. Nên xem xét các tình tiết trên là tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo. Bị cáo có tình tiết tăng nặng là tái phạm.

*** Vật chứng thu giữ:**

- 01 xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Yamaha, số loại Exciter 150cc, màu xanh – bạc, gắn biển số 63B4-190.76, số máy G3D4E115340, số khung bị cạ hỏng.

- 01 chiếc khoan điện cầm tay, màu xanh đen, hiệu BOSCH, nút khởi động màu đỏ, chiếc khoan có gắn sợi dây điện màu đen dài 1,2m, có chui cắm.

Quá trình điều tra xác định anh Hồ Thanh P là chủ sở hữu hợp pháp của xe mô tô hai bánh 63B8-117.74; chị Nguyễn Thị N C là chủ sở hữu của biển số 63B4-190.76; chiếc khoan điện là tài sản hợp pháp của anh Nguyễn Thanh S. Anh P, chị C, anh S có đơn xin nhận lại tài sản nên Cơ quan CSĐT Công an huyện T P đã quyết định trả lại các tài sản trên cho các chủ sở hữu.

*** Phần dân sự:**

Anh Hồ Thanh P không yêu cầu bồi thường.

Tại Cáo trạng số 09/CT-VKSTP ngày 14-02-2019, bị cáo Bùi Văn L bị Viện kiểm sát nhân dân huyện T P truy tố về tội “ *Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận về hành vi các bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện T P đã truy tố đối với các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T P giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, thành khẩn khai báo thể hiện sự ăn năn hối cải; tại thời điểm gây án bị cáo bị hạn chế năng lực nhận thức và điều khiển hành vi, bị cáo tự thú; nên xem đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Bị cáo có tình tiết tăng nặng là tái phạm. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo từ 01 năm 06 tháng tù đến 02 năm tù.

Vật chứng trong vụ án: Cơ quan điều tra đã trả lại cho các chủ sở hữu nên không đặt ra xem xét.

Đề nghị tịch thu xung quỹ nhà nước số tiền 3.500.000 đồng thu lợi bất chính.

Trách nhiệm dân sự: **các bị hại không yêu cầu bồi thường.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

{1} Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng

hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện là hợp pháp.

{2} Về hành vi phạm tội của bị cáo.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo khai nhận vào khoảng 15 giờ 30 phút, ngày 07/02/2018 Bùi Văn K (anh ruột của bị cáo) nhờ bị cáo dẫn xe của K đi vá; khi bị cáo điện thoại cho K báo vá xe xong thì K kêu bị cáo chạy xe đến chợ Bung gập; khi bị cáo chạy xe của K đến chợ Bung gập K thì thấy K đang ngồi trên xe nên bị cáo hỏi K xe ở đâu có thì K trả lời “mới lấy của người ta”; bị cáo biết xe do K vừa lấy trộm của người ta; sau đó K kêu bị cáo tìm người bán xe, bị cáo điện cho Nguyễn Thanh T kêu bán xe sau khi thỏa thuận giá T kêu chạy xe đến C G để xem xe và mua xe, sau khi bán xe xong với giá 9.000.000 đồng bị cáo nhận tiền giao cho K, K chia cho bị cáo 3.500.000 đồng còn lại K giữ, tiền bán xe cả hai tiêu xài cá nhân hết. Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án, phù hợp lời khai của Bùi Văn K và Nguyễn Thanh T, bị hại, nhân chứng và hiện trường vụ án nên có đủ căn cứ kết luận bị cáo phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; nên Viện kiểm sát nhân dân huyện T P truy tố bị cáo về hành vi phạm tội nêu trên là đúng pháp luật.

{3} Xét tính chất mức độ của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã giúp cho Bùi Văn K tiêu thụ tài sản phạm tội mà có được thuận lợi, đây là hành vi mà chính quyền các cấp và nhân dân ra sức bày trừ; bản thân bị cáo có đủ năng lực, ý thức được việc mua bán tài sản do phạm tội mà có là vi phạm pháp luật nhưng do háo lợi, ý thức xem thường pháp luật, xem thường công sức lao động của người khác, mong muốn có tiền tiêu xài không mất công lao động nên bắt chấp; nghiêm trọng hơn bị cáo có tiền án mới chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 03/12/2017; sau khi chấp hành xong hình phạt tù chưa được xóa án tích nay lại phạm tội, điều đó chứng tỏ hình phạt của các bản án trước đây áp dụng đối với bị cáo là chưa đủ để cải tạo bị cáo trở thành người tốt cho xã hội.

Do vậy đối với bị cáo cần phải xử mức án nghiêm khắc để cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và giáo dục phòng ngừa chung cho mọi người khác.

Tuy nhiên xem xét giảm nhẹ cho bị cáo trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện ra đầu thú; mặc khác căn cứ Kết luận giám định pháp y tâm thần số 533/KL-VPYTW ngày 22/10/2018 của Viện pháp y tâm thần Trung ương B H kết luận: Tại thời điểm gây án, bị cáo bị hạn chế năng lực nhận thức và điều khiển hành vi; hiện nay bị cáo có đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi. Nên xem xét các tình tiết trên là tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo quy định tại điểm q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo có tình tiết tăng nặng là tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

{4} Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản cho bị hại xong nên không xem xét.

{5} Về trách nhiệm dân sự: các bị hại không yêu cầu bồi thường nên không đặt ra xem xét.

Riêng số tiền bị cáo thu lợi bất chính do bán xe 3.500.000 đồng nên buộc bị cáo nộp sung công quỹ nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự.

{6} Xét ý kiến của Viện kiểm sát phân tích tính chất mức độ phạm tội, đặc điểm nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tội danh và điều luật áp dụng là có cơ sở phù hợp nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Xét lời bào chữa của luật sư phân tích các tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo và đề nghị hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Xét thấy lời bào chữa của luật sư phù hợp nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

{6} Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại các Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 21 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban Thường vụ quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1-Tuyên bố bị cáo Bùi Văn L đã phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” .

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử: Phạt bị cáo Bùi Văn L 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt để thi hành án.

Áp dụng: điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Buộc bị cáo Bùi Văn L nộp 3.500.000 (ba triệu năm trăm nghìn) đồng sung công quỹ nhà nước.

Thi hành khi án có hiệu lực pháp luật.

2- Về án phí:

Áp dụng Điều 135,136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 21 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí HSST.

3- Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định thi hành theo quy định tại Điều 02 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

-TAND tỉnh Tiền Giang; **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

-VKS tỉnh Tiền Giang

-VKSND huyện Tân Phước;

-Cơ quan điều tra CAH Tân Phước;

-THADS huyện Tân Phước;

-Những người tham gia tố tụng;

-Lưu hồ sơ vụ án;

-Lưu án văn.

Phan Văn M

